TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39**/2021/HS-ST
Ngày 15 - 6 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nghiệp;

2. Ông Huỳnh T Hùng.

Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Ông Chau San - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân An Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2021, Thông báo thay đổi địa điểm xét xử số 20/2021/TB-TA ngày 14 tháng 6 năm 2021, đối với bị cáo:

Võ T Đ, sinh năm 1988, tại An Phú, An Giang; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp Bình Di, xã Khánh Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; con ông Võ T Sơn, sinh năm 1968 (chết) và bà Nguyễn Thị Thúy, sinh năm 1968 (chết); anh, chị, em có 02 người, bị cáo là người nhỏ nhất; vợ Lý Thị Kim N, sinh năm 1996; có 01 con sinh năm 2019.

Nhân thân: Năm 1988 – 1998 sống cùng cha mẹ tại Campuchia. Năm 1998 – 2005 về Việt Nam sinh sống bằng nghề làm thuê. Năm 2017 có vợ và sống tại gia đình bên vợ tại xã Khánh Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/9/2020 đến nay.

Bị cáo có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Bà Nguyễn Thị Cẩm G, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp X, xã S, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;

2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp Y, xã K, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;

3. Bà Lý Thị Kim N, sinh năm 1996; nơi cư trú: Ấp B, xã K, huyện An Phú, tỉnh An Giang;

4. Ông Lê N T (T Lép), sinh năm 1990; Ấp T, thị trấn L, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

5. Ông Nguyễn Hoàn V, sinh năm 1982; ĐKHKTT: Số Z, đường 3/2, phường 8, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: Ấp T, thị trấn L, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, Lê N T có mặt, những người còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 24/9/2020, Công an huyện An Phú, tỉnh An Giang phối hợp Công an xã Khánh An tuần tra kiểm soát đảm bảo an ninh – trật tự trên đại bàn xã Khánh An, huyện An Phú. Khi đến đoạn đường dẫn sang cầu Long Bình thuộc ấp Thạnh Phú, xã Khánh An thì phát hiện Võ T Đ điều khiển xe môtô biển số 52U7-8703 chở Nguyễn Thị Cẩm G và Nguyễn Thị B cùng hành lý. Nghi vấn Đ chở người nhập cảnh trái phép nên đưa về Công an xã để làm rõ. Qua làm việc, Đ thừa nhận đã đón G và B nhập cảnh trái phép từ Campuchia vào Việt Nam, nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Quá trình điều tra bị can Võ T Đ khai nhận:

Khoảng cuối tháng 8/2020, Đ được đối tượng tên Châu (không rõ nhân thân, ở Campuchia), sử dụng số điện thoại 0931552115 và tài khoản Zalo "Chin Nha" câu móc tham gia đưa người xuất cảnh, nhập cảnh trái phép với tiền công 800.000 đồng/lần. Trong đó: Châu có nhiệm vụ đưa rước người ở Campuchia và giao cho Đ; Suôl (không rõ nhân thân, là người Campuchia) sử dụng xuồng máy chở người qua lại biên giới giữa Việt Nam và Campuchia; Đ đón người do Suôl giao từ Campuchia về Việt Nam và ngược lại.

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 23/9/2020, Châu nhắn tin cho Đ có 03 khách nhập cảnh vào Việt Nam, Suôl sẽ gọi điện thoại cho Đ hẹn địa điểm rước khách khi đưa khách nhập cảnh vào Việt Nam. Đến khoảng 02 giờ 00 phút ngày 24/9/2020, Suôl điện thoại kêu Đ đến gần quán "Gió Đồng" thuộc ấp An Khánh, xã Khánh An để rước 02 người khách. Đ gọi điện thoại cho Lê N T (Lép) đến đón nhưng T từ chối nên Đ lấy xe môtô biển số 52U7-8703 chạy đến điểm hẹn

thấy Suôl sử dụng xuồng máy chở B, G cập bờ Việt Nam, Đ điều khiển xe chở B và Giang đến khu vực đường dẫn cầu Long Bình thì bị phát hiện bắt quả tang.

Ngoài ra, Đ còn khai nhận đã đưa người xuất cảnh trái phép sang Campuchia do Châu tổ chức trót lọt tổng cộng 04 lần. Đ đã câu móc Lê N T đi cảnh giới được 03 lần. Đ được Châu trả tiền công 6.000.000 đồng, Đ trả tiền công cho T 1.500.000 đồng, hưởng lợi 4.500.000 đồng.

Ngày 02/10/2020, Đ bị khởi tố điều tra.

Cáo trạng số: 34/CT-VKSAG-P1 ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang truy tố bị cáo Võ T Đ về tội *"Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép"* theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo Võ T Đ khai, bị cáo chỉ thực hiện theo chỉ dẫn của người tên Châu (ở Campuchia) làm nhiệm vụ canh đường; lãnh lương mỗi tháng 6.000.000 đồng. Bị cáo không quen biết Châu, Suôl. Bị cáo không tự đưa, rước người xuất cảnh, nhập cảnh. Về số tiền, người chuyển vào tài khoản của N (vợ bị cáo) thì bị cáo khai báo quanh co, khi xác định không biết; khi xác định Châu có chuyển 2 lần 6.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi Hội đồng xét xử công bố lời khai của Lý Thị Kim N; xác nhận của Ngân hàng về số lần chuyển tiền; công bố bảng kê chi tiết các cuộc gọi đi, đến vào số điện thoại 0962 277123 của bị cáo thì bị cáo không có ý kiến. Bị cáo cũng xác định, trong quá trình điều tra bị cáo không bị ép cung, mớm cung hay nhục hình. Số tiền trong người bị cáo khi bị bắt quả tang là trước đó bị cáo kêu N rút 7.000.000 đồng từ tiền Châu chuyển đến.

- Lê N T khai, trước ngày Đ bị bắt, T có làm nhiệm vụ canh đường theo yêu cầu của Đ và được Đ trả công mỗi lần 500.000 đồng. T thực hiện 3 lần, được Đ trả 1.500.000 đồng và đã tiêu xài hết. Lần đón người nhập cảnh ngày 24/9/2021 thì Đ có điện thoại kêu T đi rước nhưng T không nhận lời.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người vắng mặt; Chi tiết một số cuộc gọi đi, đến liên quan số điện thoại 0962 277123; công bố bản sao kê của Ngân hàng Vietcombamk liên quan tài khoản của Lý Thị Kim N. Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không có ý kiến về các lời khai và các tài liệu công bố.

Trong lời luận tội, Vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi; các tình tiết giảm nhẹ; tình hình an ninh trật tự; mức độ nguy hiểm của hành vi và nhân thân bị cáo, đã đề nghị tuyên bị cáo Võ T Đ phạm tội *"Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép"*. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 348, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ T Đ từ 02 (hai) đến 03 (ba) năm tù. Đề nghị áp dụng các điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng còn lại trong vụ án. Đồng thời đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo Đ và T không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố Tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện được xác định là hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Cẩm G, Nguyễn Thị B, Lý Thị Kim N, Nguyễn Hoàn T vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án; lời khai của những người này đã được công bố tại phiên tòa, bị cáo, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến. Xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ là phù hợp với quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo Võ T Đ khai báo quanh co. Tuy nhiên, căn cứ vào các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra; lời khai của những người tham gia tố tụng khác; Biên bản khám nghiệm hiện trường (cùng bản ảnh, sơ đồ hiện trường) ngày 24/9/2020 của Công an huyện An Phú; Kết luận giám định số 219/KLGT-PC09 (KTSĐT) ngày 30/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang (kèm phụ lục) cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở kết luận: Thông qua trao đổi bằng điện thoại với Châu và Suôl ở Camphuchia, khoảng 02 giờ 00 phút ngày 24/9/2020, Võ T Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 52U7-8703 đến địa điểm theo chỉ dẫn của Suôl gần quán "Gió Đồng" thuộc ấp An Khánh, xã Khánh An, huyện An Phú chở Nguyễn Thị Cẩm G, Nguyễn Thị B cùng hành lý từ Campuchia nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Trên đường từ Khánh An đến thị trấn Long Bình thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang tại ấp Thạnh Phú, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Bị cáo Đ là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; biết rõ việc tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép là vi phạm pháp pháp luật nhưng cố ý thực hiện vì mục đích vụ lợi. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định, hành vi của Võ T Đ đã phạm vào tội *"Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép"* được quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình. Xác định, truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo Võ T Đ theo Cáo trạng số 34/CT-VKSAG-P1 ngày 12 tháng 5 năm 2021 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh nói riêng, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội nói chung; vi phạm quy định của Chính phủ về thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid -19. Hành vi của bị cáo còn có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, an toàn của cộng đồng.

[2.3] Nguyên nhân bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là do ảnh hưởng của dịch Covid-19 bị cáo không có việc làm ổn định; vì hám lợi, ý thức chấp hành pháp luật kém; là người ở khu vực biên giới, nên rành đường. Đồng thời, việc đưa người xuất cảnh, nhập cảnh trái phép thu được nhiều tiền, nên bị cáo đã câu móc với Châu và Suôl ở Campuchia để tổ chức đưa người xuất, nhập cảnh. Động cơ, mục đích thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo là vì lợi ích vật chất, không vì mục đích khác.

[2.4] Cách thức tổ chức đưa người nhập cảnh của bị cáo tương đối tinh vi, lợi dụng việc thuộc địa hình biên giới giữa Việt Nam và Campuchia, bị cáo đã móc nối với tên Châu, tên Suôl (ở Campuchia) để tổ chức đưa người nhập cảnh trái phép. Sắp đặt cho T cùng bị cáo cảnh giới đường khi đưa, đón khách và thường thực hiện vào ban đêm để tránh phát hiện của cơ quan chức năng. Theo lời khai nhận của bị cáo thì bị cáo đã thực hiện tổ chức cho người khác xuất, nhập cảnh từ khoảng đầu tháng 9 năm 2020; đã nhiều lần thực hiện, nhưng do không có thông tin gì về những người mà bị cáo tổ chức cho xuất, nhập cảnh trái phép của các lần trước nên chưa đủ căn cứ xử lý. Đối với lần tổ chức cho G, B nhập cảnh trái phép bị bắt quả tang ngày 24/9/2020 thì có đủ căn cứ quy kết bị cáo trực tiếp thực hiện. Lần phạm tội này T không tham gia.

Bên cạnh hành vi phạm tội *"Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép"* của bị cáo Đ còn có nhiều người khác có nhu cầu xuất cảnh, nhập cảnh, ý thức pháp luật kém, cố tình vi phạm, đã gây khó khăn cho lực lượng chức năng trong việc kiểm soát người xuất cảnh, nhập cảnh; gây oan mang, bức xúc trong nhân dân. Trong khi mọi người dân đang ra sức thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, trong đó đặc biệt là công tác quản lý xuất cảnh, nhập cảnh. Kể từ khi xảy ra dịch Covid-19 đến nay, cả hệ thống chính trị, nhân dân cả nước; trong đó đặc biệt là các lực lượng Bộ đội Biên phòng, Công an, Quân đội …đang ngày đêm túc trực canh gác theo các tuyến biên giới, kiểm soát chặt người qua lại biên giới, nhằm phòng, chống lây lan dịch bệnh, đảm bảo an toàn xã hội thì bị cáo lại có hành vi đi ngược lại với chủ trương của Chính phủ về thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch; đi ngược lại với lợi ích chung của cộng đồng. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về hình phạt chính:

Về nhân thân: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng tặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa, bị cáo khai báo quanh co. Bị cáo còn cho rằng không biết việc làm của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo chưa thể hiện được thái độ ăn năn, hối cải. Tuy nhiên, xét bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, ít am hiểu pháp luật; cha, mẹ mất sớm nên cũng thiếu sự dạy dỗ, chăm sóc, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, trong tình hình đại dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp, thì hành vi tổ chức đưa người nhập cảnh trái phép của bị cáo là rất nguy hiểm, ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội, cần được xử lý nghiêm.

Từ phân tích trên, xét thấy đề nghị về mức hình phạt của Vị đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là có căn cứ. Cần thiết áp dụng hình phạt nghiêm, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thêm một thời gian nữa, nhằm có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo để bị cáo nhận thức được hành vi sai trái, khắc phục, sửa đổi, trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội về sau.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên thống nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Theo lời khai của bị cáo Đ, trước đó bị cáo có 04 lần tổ chức đưa người xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Campuchia. Trong đó, Lê N T (T Lép) tham gia canh đường theo yêu cầu của Đ để thu lợi được 03 lần. Giai đoạn điều tra T đã bỏ địa phương đi nơi khác; ngoài lời khai của Đ, không còn chứng cứ nào khác để chứng minh nên chưa đủ chứng cứ để quy kết về những lần này và các đối tượng tên Châu, Suôl hiện đang sống ở Campuchia, không rõ họ, tên, địa chỉ, nên Viện kiểm sát không quy kết trách nhiệm hình sự các lần này đối với bị cáo là có căn cứ. Kiến nghị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh An Giang tiếp tục điều tra, làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với Nguyễn Thị Cẩm G, Nguyễn Thị B có hành vi nhập cảnh trái phép từ Campuchia sang Việt Nam và chưa có tiền án, tiền sự nên Cơ quan An ninh điều tra giao cho Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh An Giang để xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định.

- Đối với Lý Thị Kim N khai không biết Võ T Đ mượn số tài khoản ngân hàng của N để nhận tiền công từ việc tổ chức cho người khác xuất, nhập cảnh trái phép. Tuy nhiên, số tiền được chuyển đến trong tài khoản của N và số tiền bị cáo Đ khai nhận có nhiều mâu thuẫn; đồng thời, N và bị cáo Đ là vợ chồng, nên kiến nghị Cơ quan An ninh điều tra tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của Lý Thị Kim N; điều tra làm số tiền thu lợi bất chính của Đ trong các lần tổ chức cho người khác xuất, nhập cảnh trái phép.

[6] Về xử lý vật chứng:

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 Giấy phép lái xe mang tên Võ T Đ; 01 điện thoại di động Iphone 7 plus, sim số 0962 277123; 01 xe mô tô biển kiểm soát 52U7 – 8703, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Hoàn V; 01 Hộ chiếu, 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Cẩm G; 01 điện thoại di động hiệu OPPO; 210 USD; 01 Hộ chiếu, 01 giấy chứng minh mang tên Nguyễn Thị B; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A7 và 7.760.000 đồng, được xử lý như sau:

- Xe mô tô biển kiểm soát 52U7 – 8703, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Hoàn V được xác định là của ông Nguyễn Hoàn V. Ông V xác định có cho bị cáo Đ mượn xe nhưng việc Đ sử dụng xe chở người nhập cảnh trái phép ông V không biết. Do đó trả lại xe mô tô và giấy đăng ký xe cho ông V.

- Giấy chứng minh nhân dân, Giấy phép lái xe mang tên Võ T Đ là giấy tờ tùy thân của bị cáo Đ, không liên quan tội phạm, nên trả lại cho bị cáo Đ.

- Hộ chiếu, Căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Cẩm G; điện thoại di động hiệu OPPO và 210 USD là của bà Nguyễn Thị Cẩm G. Xác định không liên quan tội phạm, nên trả lại cho bà G.

- Hộ chiếu, Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị B; điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A7 và 2.000.000 đồng là của bà Nguyễn Thị B. Xác định không liên quan tội phạm, nên trả lại cho bà B.

- Điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus, kèm sim số 0962 277123 được xác định là của bị cáo Đ đã sử dụng liên hệ tổ chức đưa người nhập cảnh trái phép, nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Tiền thu giữ trên người bị cáo Đ 5.760.000 đồng được xác định là tiền Đ đã kêu N rút từ tài khoản của N. Theo bị cáo Đ, tiền công Đ nhận trong các lần tổ chức cho người khác xuất, nhập cảnh được chuyển trả vào tài khoản của N với tên THU HOAI hoặc MAI NGOC NHUT. Từ đó xác định số tiền thu giữ khi bắt quả tang Đ tổ chức cho G, B nhập cảnh trái phép là tiền thu lợi bất chính, nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[7] Về chi phí tố tụng:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm;

Bị cáo và những người tham gia tố tụng không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Võ T Đ phạm tội *"Tổ chức cho người khác nhập cảnh cảnh trái phép"*.

2. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 348, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Võ T Đ 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 24/9/2020 *(ngày hai mươi bốn tháng chín năm hai nghìn không trăm hai mươi)*.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ các điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

+ 01 Điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus, kèm sim số 0962 277123;

+ 5.760.000 (năm triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng của bị cáo Đ.

- Tuyên trả lại cho:

+ Bị cáo Võ T Đ 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Võ T Đ , 01 Giấy phép lái xe mang tên Võ T Đ.

+ Ông Nguyễn Hoàn V 01 xe mô tô biển kiểm soát 52U7 – 8703, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Hoàn V.

+ Bà Nguyễn Thị Cẩm G 01 Hộ chiếu mang tên Nguyễn Thị Cẩm G, 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Cẩm G, 01 điện thoại di động hiệu OPPO và 210 (hai trăm mười) USD.

+ Bà Nguyễn Thị B 01 Hộ chiếu mang tên Nguyễn Thị B, 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị B, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A7 và 2.000.000 (hai triệu) đồng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/5/2021 giữa Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh An Giang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú và các biên lai thu tiền số 0007862, 0007864, 0007865 cùng ngày 17/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An phú).

4. Về án phí:

Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Bị cáo Võ T Đ phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Án tuyên công khai có mặt bị cáo Võ T Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê N T.Thời hạn kháng cáo của bị cáo Đ và ông T là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/6/2021).

Thời hạn kháng cáo của các ông, bà Nguyễn Thị Cẩm G, Nguyễn Thị B, Lý Thị Kim N, Nguyễn Hoàn V là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện KSND huyện An Phú (1);
- Viện KSND tỉnh An Giang (1)
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- CQ ANĐT (1);
- Trại tạm giam (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS huyện An Phú (1);
- Bộ phận THAHS Tòa án (1);
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (1);
- Bị cáo (1);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (4);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trần Văn Sáu